

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2024

V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thái.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy Khôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự đã thụ lý số 171/2023/TLST-DS ngày 28/11/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXX-ST ngày 28/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39A/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 13 /TB-TA ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà 17, tổ dân phố 6, phường Phú L, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn:

+ Anh Dương Văn T, sinh năm 1968; nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã Nội H, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang; nơi tạm trú: Thôn Hai M, xã Quý S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Chị Dương Thị N, sinh năm 1971; nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã Nội H, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang; nơi tạm trú: Thôn Hai M, xã Quý S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Bùi Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án N đơn bà Dương Thị N trình bày:* Do bà có mối quan hệ là cô họ của chị Dương Thị N nên ngày 15/01/2018 giữa bà và vợ chồng chị Dương Thị N, anh Dương Văn T có lập Giấy biên nhận. Theo giấy biên nhận ngày 15/01/2018 trên thì anh T, chị N có vay của bà số tiền là 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, bằng hình thức bà nhận ủy quyền chuyển số tiền anh T, chị N vay 400.000.000 đồng trên cho anh Bùi Văn C, địa chỉ: Thôn Ngọc Đà, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên để trả tiền hàng anh T chị N nợ anh C. Căn cứ vào giấy biên nhận trên, ngày 30/01/2018 bà đã thay mặt anh T, chị N chuyển 200.000.000 đồng cho anh C để thanh toán tiền hàng của anh T, chị N. Ngày 13/02/2018 bà lại tiếp tục chuyển nốt số tiền 200.000.000 đồng cho anh C. Tổng 02 lần bà đã chuyển đầy đủ 400.000.000 đồng cho anh C rồi (có giấy biên nhận nhận tiền của anh C ký).

Theo biên nhận ngày 15/01/2018 thì thời hạn 01 năm kể từ ngày vay anh T, chị N phải trả lại bà số tiền vay 400.000.000 đồng trên, tuy nhiên đến ngày 15/01/2019 (tức 01 năm sau) không thấy anh T, chị N trả bà tiền. Kể từ đó bà đã đến gặp trực tiếp chị N, anh T rất nhiều lần để đòi tiền nhưng anh T, chị N vẫn không trả bà tiền vay trên, thường xuyên trốn tránh bà và khất nợ. Từ khi vay đến nay anh T, chị N không trả được cho bà đồng nào cả.

Ban đầu bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Văn T, bà Dương Thị N phải trả bà số tiền đã vay ngày 15/01/2018 là 632.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng, đến nay là 58 tháng, cụ thể số tiền lãi là 232.000.000 đồng). Tuy nhiên, đến nay bà tự nguyện xin rút yêu cầu về lãi suất này, bà không yêu cầu anh T, chị N phải trả tiền lãi nữa. Bà chỉ yêu cầu anh T chị N phải trả bà số tiền 400.000.000 đồng gốc trên.

** Đối với bị đơn anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị N:* Qua xác minh thì thấy Anh T chị N có hộ khẩu thường trú tại thôn Giá, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay của anh T chị N là ở tại thôn Hai Mới, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, Tòa

án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T chị N, nhưng anh T chị N không có ý kiến gì, không nộp bản tự khai và cũng không đến Tòa án để làm việc. Anh T chị N có đơn gửi đến Tòa án yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị xác minh tại Cơ quan điều tra- C an huyện Lục Ngạn về vụ việc liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng bà N đang khởi kiện.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng đã có C văn số 146/CV-TA gửi đến C an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, phía C an huyện Lục Ngạn có C văn số 1791/2024-CALNg- ĐTTH ngày 30/8/2024 cung cấp: C an huyện Lục Ngạn đã nhận được đơn của bà Dương Thị N trình báo có cho anh Dương Văn T, chị Dương Thị N có vay của bà 400.000.000 đồng ngày 15/01/2018 nhưng cố tình chiếm đoạt không trả, đề nghị xem xét dấu hiệu hình sự, tuy nhiên C an huyện Lục Ngạn đã hướng dẫn bà N làm đơn đến C an thành phố Bắc Giang do bà N chuyển tiền xảy ra tại Thành phố Bắc Giang.

Sau khi nhận được C văn của C an huyện Lục Ngạn, Tòa án đã thông báo cho các đương sự biết, ngay sau đó phía bà N đã cung cấp 01 thông báo về việc không khởi tố vụ án số 1785/QĐ-CQĐT ngày 02/4/2024 của C an thành phố Bắc Giang, nội dung C văn: Bà Dương Thị N tố cáo anh Dương Văn T, chị Dương Thị N chiếm đoạt số tiền vay 400.000.000 đồng ngày 15/01/2018, đề nghị xem xét dấu hiệu hình sự, tuy nhiên C an thành phố Bắc Giang ra thông báo về việc không khởi tố vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn C trình bày: Do anh có quen biết và làm ăn với anh Dương Văn T, chị Dương Thị N nên anh có bán phân bón cho anh T, chị N với số tiền hàng là 400.000.000 đồng. Đồng thời anh cũng có quen bà Dương Thị N nên ngày 15/01/2018 giữa bà N và vợ chồng anh T chị N có lập giấy biên nhận, anh T chị N vay số tiền 400.000.000 đồng của bà N. Anh T chị N vay mục đích là để lấy tiền trả nợ cho anh. Giữa bà N, anh T, chị N thỏa thuận bà N chuyển số tiền anh T chị N vay 400.000.000 đồng trên cho anh. Ngày 30/01/2018 và ngày 13/02/2018 bà N đã thay mặt anh T chị N chuyển đủ tổng số tiền 400.000.000 đồng cho anh rồi. Anh xác nhận đã nhận được số tiền bà N chuyển. Khi nhận được anh cũng đã thông báo cho anh T, chị N biết. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu anh T chị N phải trả cho bà N số tiền 400.000.000 đồng gốc đã vay như trên, không yêu cầu

anh T chị N phải trả lãi suất nữa. Anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi của bà N.

Tại phiên toà hôm nay:

N đơn bà Dương Thị N trình bày: Bà giữ N lời khai đã khai, ban đầu bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Văn T, chị Dương Thị N phải trả cho bà số tiền đã vay ngày 15/01/2018 là 632.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất tính là 232.000.000 đồng). Tuy nhiên, đến nay bà tự nguyện xin rút yêu cầu về lãi suất này, bà không yêu cầu anh T, chị N phải trả tiền lãi nữa. Bà chỉ yêu cầu anh T chị N phải trả bà số tiền 400.000.000 đồng gốc trên. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Anh T chị N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của N đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 3 điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc anh T chị N phải trả cho bà N số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của bà Dương Thị N về việc buộc anh Dương Văn T và chị Dương Thị N phải trả bà số tiền lãi suất là 232.000.000 đồng

- Về án phí: Anh T chị N phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Dương Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.640.000 đồng.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với việc vắng mặt của anh Dương Văn T và chị Dương Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Dương Văn T, chị Dương Thị N và anh C là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Theo như giấy biên nhận ngày 15/01/2018 thì vợ chồng anh Dương Văn T, chị Dương Thị N có vay của bà N số tiền 400.000.000 đồng. Hết thời hạn vay bà N có đòi nhiều lần nhưng anh T chị N không trả. Bà N nộp đơn khởi kiện anh T chị N ra Tòa án. Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu của N đơn bà Dương Thị N, buộc anh Dương Văn T và chị Dương Thị N phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 15/8/2018 thì thấy: Theo giấy biên nhận vay tiền ngày 15/01/2018 thể hiện anh T, chị N có vay của bà N số tiền là 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, bằng hình thức bà N nhận ủy quyền chuyển số tiền anh T, chị N vay 400.000.000 đồng trên cho anh Bùi Văn C, địa chỉ: Thôn Ngọc Đà, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ vào giấy biên nhận trên, ngày 30/01/2018 và ngày 13/02/2018 bà N đã thay mặt anh T, chị N chuyển tổng số tiền là 400.000.000 đồng cho anh C để thanh toán tiền hàng của anh T, chị N nợ anh C. Đồng thời phía anh C cũng đã xác nhận nội dung bà N trình bày là đúng, anh có phân bón bán cho anh T chị N, anh T chị N nợ tiền hàng 400.000.000 đồng của anh và ngày 15/01/2018 vay tiền bà N để trả cho anh, sau khi bà N chuyển trả anh cũng đã thông báo cho anh T, chị N biết.

Như vậy thể hiện bà N đã cho anh T chị N vay tiền ngày 15/01/2018 như giấy biên nhận vay tiền là đúng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Đối với số tiền lãi suất thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N xin rút yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện của N đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết về yêu cầu tính lãi suất của N đơn.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu về số tiền nợ gốc của bà N được chấp nhận, nên anh T chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trả lại tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp.

Bà Dương Thị N rút đơn khởi kiện về việc buộc anh T và chị N phải trả bà số tiền lãi suất là 232.000.000 đồng nên bà N được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 3 điều 218 BLTTDS và khoản 3 điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Trả lại tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 3 điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N: Buộc anh Dương Văn T và chị Dương Thị N phải trả cho bà Dương Thị N số tiền nợ gốc theo Giấy biên nhận ngày 15/01/2018 là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của bà Dương Thị N về việc buộc anh Dương Văn T và chị Dương Thị N phải trả bà số tiền lãi suất là 232.000.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Anh Dương Văn T và chị Dương Thị N phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại bà Dương Thị N số tiền 14.640.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000488 ngày 23/11/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên D;
- CCTHADS huyện Yên D;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thái Nguyễn Thị Thủy Khôi

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng
- CCTHADS huyện Yên Dũng
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Anh